

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Ông Lê Thiên Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị Ph, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Thạnh, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Siu Ngọc T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Thạnh, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tống Thị Ph trình bày:* Tôi với ông Siu Ngọc T đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T năm 2004. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của chúng tôi hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau chúng tôi sống chung không hợp, hay cãi vã, tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tôi yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi với ông T có 02 con chung là Siu Đức T1, sinh ngày 27/11/2001; Siu Đức T2, sinh ngày 01/02/2004. Hai cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ph xác định không có.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Siu Ngọc T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Bà Tổng Thị Ph được ly hôn với ông Siu Ngọc T.

Về con chung: bà Ph và ông T có 02 con chung đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Ph không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Bà Ph xác định không có.

Về án phí: Bà Tổng Thị Ph phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Siu Ngọc T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bị đơn cư trú tại tổ dân phố Phú Thạnh, phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ nhân nhân: Bà Tổng Thị Ph và ông Siu Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 cấp ngày 08/6/2004 vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, cuộc sống giữa bà Ph và ông T không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên bà Ph, ông T không còn quan tâm nhau và đã sống xa nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Tại phiên tòa, bị đơn ông Siu Ngọc T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà Ph và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ph yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Tổng Thị Ph với ông Siu Ngọc T có 02 con chung là Siu Đức T1, sinh ngày 27/11/2001; Siu Đức T2, sinh ngày 01/02/2004, hai cháu đều đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Bà Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà Ph xác định không có nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tổng Thị Ph được ly hôn với ông Siu Ngọc T.

- *Về con chung:* Bà Tổng Thị Ph với ông Siu Ngọc T có 02 con chung là Siu Đức T1, sinh ngày 27/11/2001; Siu Đức T2, sinh ngày 01/02/2004, hai cháu đều đã trưởng thành. Bà Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Ph không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà Ph xác định không có nên không xét.

2. Về án phí: Bà Tổng Thị Ph phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005570 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- CCTHADS thị xã N;
- UBND phường T,
(GCNKH số 90 ngày 08/6/2004);
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhất Anh